

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 415/QĐ-CDKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Quản trị kinh doanh, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CDKT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Quản trị kinh doanh**

Mã ngành: **6340404**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **84 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 – 2022.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 4.15/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành, nghề:	6340404
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị kinh doanh** tại Trường Cao đẳng Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phù hợp với công việc, có khả năng tự học tập, khả năng làm việc và thăng tiến trong môi trường làm việc cũng như khả năng hội nhập cao khi tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, trang bị kỹ năng và giúp người học hình thành các thái độ cần thiết nhằm:

1.2.1 Kiến thức

Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác quản trị và phân tích tình hình hoạt động kinh doanh tại các tổ chức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- Giải thích được các quyền và nghĩa vụ của người lao động theo Luật lao động;
- Xác định được nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình tổ chức;
- Giải thích và phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Xác định được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xác định được quy trình thực hiện công việc, nhật ký công việc;
- Mô tả được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;
- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh.

1.2.2 Kỹ năng

Hình thành được kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm những kỹ năng liên quan đến việc thu thập thông tin, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý, điều hành hiệu quả trong lĩnh vực quản trị kinh doanh:

- Lập được kế hoạch thực hiện công việc;
- Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm sẵn có tại đơn vị một cách hiệu quả;
- Dự báo và tìm kiếm được cơ hội kinh doanh;
- Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Xác định được chiến lược kinh doanh tại đơn vị bộ phận;
- Tham mưu cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến công tác quản trị phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh;
- Thiết lập được mối quan hệ giữa đơn vị với các đối tác;
- Giải quyết được những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng trong mọi trường hợp;
- Có khả năng tự tạo lập được doanh nghiệp riêng với quy mô vừa và nhỏ;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp vệ sinh an toàn lao động;
- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại tại nơi làm việc;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Có khả năng sử dụng kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.2.3 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế:

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại đơn vị;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;

- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0;
- Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra ngành **Quản trị kinh doanh** Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu làm việc tại các bộ phận, phòng ban về Bán hàng, Kế hoạch, Kinh doanh, Marketing, Nhân sự,... thuộc các tổ chức kinh tế và các cơ quan hữu quan, hoặc có khả năng tự tổ chức kinh doanh.

Người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: Nhân sự; Kinh doanh; Hành chính; Marketing; Trợ lý,... Ngoài ra, người học cũng có thể khởi nghiệp kinh doanh.

Về cơ hội phát triển nghề nghiệp, với kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong chương trình cũng như quá trình tự phấn đấu, người học có cơ hội thăng tiến, phát triển tại các vị trí cao hơn, cũng như có thể học lên ở các trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **38 môn học**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **84 tín chỉ**
- Khối lượng các môn học chung: **435 giờ**
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1590 giờ**
- Khối lượng học tập:
 - + Lý thuyết: **610 giờ**
 - + Thực hành, kiểm tra: **1415 giờ**

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung đại cương	20 (11,9)	435	175	239	21
MH01	Giáo dục Chính trị	4 (3,1)	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2 (2,0)	30	18	10	2
MH03	Tin học	3 (1,2)	75	15	58	2
MH04	Ngoại ngữ (1) (Chọn 1 trong 3 môn):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.1	Tiếng Anh (1)	3 (2,1)	60	30	28	2

MH04.2	Tiếng Trung (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.3	Tiếng Hàn (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05	Ngoại ngữ (2) (Chọn 1 trong 3 môn):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.1	Tiếng Anh (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.2	Tiếng Trung (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.3	Tiếng Hàn (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH06	Giáo dục thể chất 1 (*)	1 (0,1)	30	3	25	2
MH07	Giáo dục thể chất 2 (*)	1 (0,1)	30	2	26	2
MH08	Giáo dục Quốc phòng và an ninh (*)	3 (1,2)	75	36	35	4
II	Môn học giáo dục nghề nghiệp	64 (29,35)	1590	435	1099	56
	Môn học cơ sở ngành	17 (9,8)	375	135	224	16
MH09	Toán kinh tế	3 (2,1)	60	30	28	2
MH10	Pháp luật kinh tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH11	Kinh tế vi mô	2 (1,1)	45	15	28	2
MH12	Nguyên lý kế toán	2 (1,1)	45	15	28	2
MH13	Nguyên lý thống kê	2 (1,1)	45	15	28	2
MH14	Quản trị học	2 (1,1)	45	15	28	2
MH15	Marketing căn bản	2 (1,1)	45	15	28	2
MH16	Ngoại ngữ chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ sau):	2 (1,1)	45	15	28	2
MH16.1	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH16.2	Tiếng Trung thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH16.3	Tiếng Hàn thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
	Môn học bắt buộc chuyên ngành	33 (13,20)	900	195	679	26
MH17	Quản trị chiến lược	2 (1,1)	45	15	28	2
MH18	Quản trị chất lượng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH19	Quản trị Marketing	2 (1,1)	45	15	28	2
MH20	Quản trị nguồn nhân lực	2 (1,1)	45	15	28	2
MH21	Quản trị tài chính	2 (1,1)	45	15	28	2
MH22	Quản trị sản xuất	2 (1,1)	45	15	28	2
MH23	Quản trị chuỗi cung ứng	2 (1,1)	45	15	28	2

MH24	Quản trị rủi ro	2 (1,1)	45	15	28	2
MH25	Quản trị kinh doanh quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH26	Kỹ năng quản trị	2 (1,1)	45	15	28	2
MH27	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2 (1,1)	45	15	28	2
MH28	Kế toán quản trị	2 (1,1)	45	15	28	2
MH29	Khởi sự kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH30	Thực tập quản trị doanh nghiệp	3 (0,3)	135	0	135	0
MH31	Thực tập cuối khóa	4 (0,4)	180	0	180	0
	Môn học tự chọn chuyên ngành	14 (7,7)	315	105	196	14
	Nhóm môn tự chọn 1 (Chọn 2 trong 5 môn học sau)	4 (2,2)	90	30	56	4
MH32	Tâm lý học quản lý	2 (1,1)	45	15	28	2
MH33	Tư duy thiết kế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH34	Tư duy phản biện	2 (1,1)	45	15	28	2
MH35	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2 (1,1)	45	15	28	2
MH36	Soạn thảo văn bản	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 2 (Chọn 3 trong 9 môn học sau)	6 (3,3)	135	45	84	6
MH37	Quản trị sự thay đổi	2 (1,1)	45	15	28	2
MH38	Quản trị dự án	2 (1,1)	45	15	28	2
MH39	Thương mại điện tử	2 (1,1)	45	15	28	2
MH40	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH41	Thực hành quản trị trên máy	2 (1,1)	45	15	28	2
MH42	Hệ thống thông tin quản lý	2 (1,1)	45	15	28	2
MH43	Hành vi tổ chức	2 (1,1)	45	15	28	2
MH44	Phân tích hoạt động kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH45	Quản trị hành chính văn phòng	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 3 (Chọn 2 trong 9 môn học sau)	4 (2,2)	90	30	56	4
MH46	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH47	Quản trị bán lẻ	2 (1,1)	45	15	28	2
MH48	Quản trị thương hiệu	2 (1,1)	45	15	28	2
MH49	Tổ chức sự kiện	2 (1,1)	45	15	28	2
MH50	Nghệ thuật lãnh đạo	2 (1,1)	45	15	28	2

MH51	Đàm phán thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH52	Thị trường chứng khoán	2 (1,1)	45	15	28	2
MH53	Kế toán tài chính doanh nghiệp	2 (1,1)	45	15	28	2
MH54	Thuế	2 (1,1)	45	15	28	2
Tổng cộng		84 (40,44)	2025	610	1338	77

* Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)

* Bảng ma trận môn học trước (đính kèm)

* Bảng ma trận chuẩn đầu ra (đính kèm)

* Bảng quy đổi môn học thay thế (đính kèm)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Tổ chức giảng dạy các môn học:

– Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

– Một tiết học trong nhà trường được tổ chức giảng dạy trong 45 phút; môn học có thời lượng ≤ 45 giờ thì có tối thiểu 03 giờ ôn tập và môn học có thời lượng > 45 giờ thì có tối thiểu 06 giờ ôn tập.

– *Môn học Giáo dục thể chất (1)* và *Giáo dục thể chất (2)* được bố trí giảng dạy trong học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm đầu tiên khóa học.

– *Môn học Giáo dục quốc phòng an ninh* sẽ được bố trí vào thời điểm thích hợp theo thỏa thuận của nhà trường và đơn vị có chức năng đào tạo.

– *Môn học Thực tập Quản trị doanh nghiệp* bao gồm 5 nội dung:

- + Thực tập quản trị sản xuất
- + Thực tập quản trị nguồn nhân lực
- + Thực tập quản trị Marketing
- + Thực tập quản trị tài chính
- + Thực tập quản trị chất lượng

– *Môn học Thực tập cuối khóa* bao gồm:

- + Thực tập doanh nghiệp
- + Viết báo cáo

– Đối với *Môn học tự chọn thuộc nhóm 1*, người học chọn 2 trong 5 môn học sau:

- + Tâm lý học quản lý
- + Tư duy thiết kế
- + Tư duy phản biện
- + Lý thuyết tài chính tiền tệ

- + Soạn thảo văn bản
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 2**, người học chọn 3 trong 9 môn học sau:
 - + Quản trị sự thay đổi
 - + Quản trị dự án
 - + Thương mại điện tử
 - + Tin học ứng dụng trong kinh doanh
 - + Thực hành quản trị trên máy
 - + Hệ thống thông tin quản lý
 - + Hành vi tổ chức
 - + Phân tích hoạt động kinh doanh
 - + Quản trị hành chính văn phòng
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 3**, người học chọn 2 trong 9 môn học sau:
 - + Phương pháp nghiên cứu kinh doanh
 - + Quản trị bán lẻ
 - + Quản trị thương hiệu
 - + Tổ chức sự kiện
 - + Nghệ thuật lãnh đạo
 - + Đàm phán thương mại
 - + Thị trường chứng khoán
 - + Kế toán tài chính doanh nghiệp
 - + Thuế
- Nội dung thực hành trong các môn học có thể được tổ chức bằng các hình thức phù hợp.
- Đối với môn học ngoại ngữ, người học sẽ phải lựa chọn 1 trong những ngoại ngữ sau: Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Hàn.
- Một số kỹ năng mềm được trang bị khi tham gia các chương trình học ngoại khóa gồm có:
 - + Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong trường và xã hội
 - + Kỹ năng làm việc nhóm
 - + Kỹ năng thuyết trình, trình bày
 - + Kỹ năng phỏng vấn, tìm việc làm
 - + Kỹ năng khởi nghiệp
 - + ...



4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức sau khi kết thúc buổi học cuối cùng tối thiểu là 1 tuần sau khi người học đã được xét điều kiện dự thi theo quy định.
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức trong buổi học cuối cùng, giảng viên có trách nhiệm công bố kết quả xét điều kiện dự thi cho sinh viên trước tuần cuối cùng một tuần.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Người học được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau:
 - + Được công nhận là người học hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
 - + Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình đào tạo quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo;
 - + Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường;
 - + Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;
 - + Tại thời điểm xét điểm tốt nghiệp, người học không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy số tín chỉ và chuẩn đầu ra đã đạt của người học để xét công nhận tốt nghiệp, ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Tú

Hồ Nguyễn Cúc Phương

Nguyễn Thị Trúc Phương

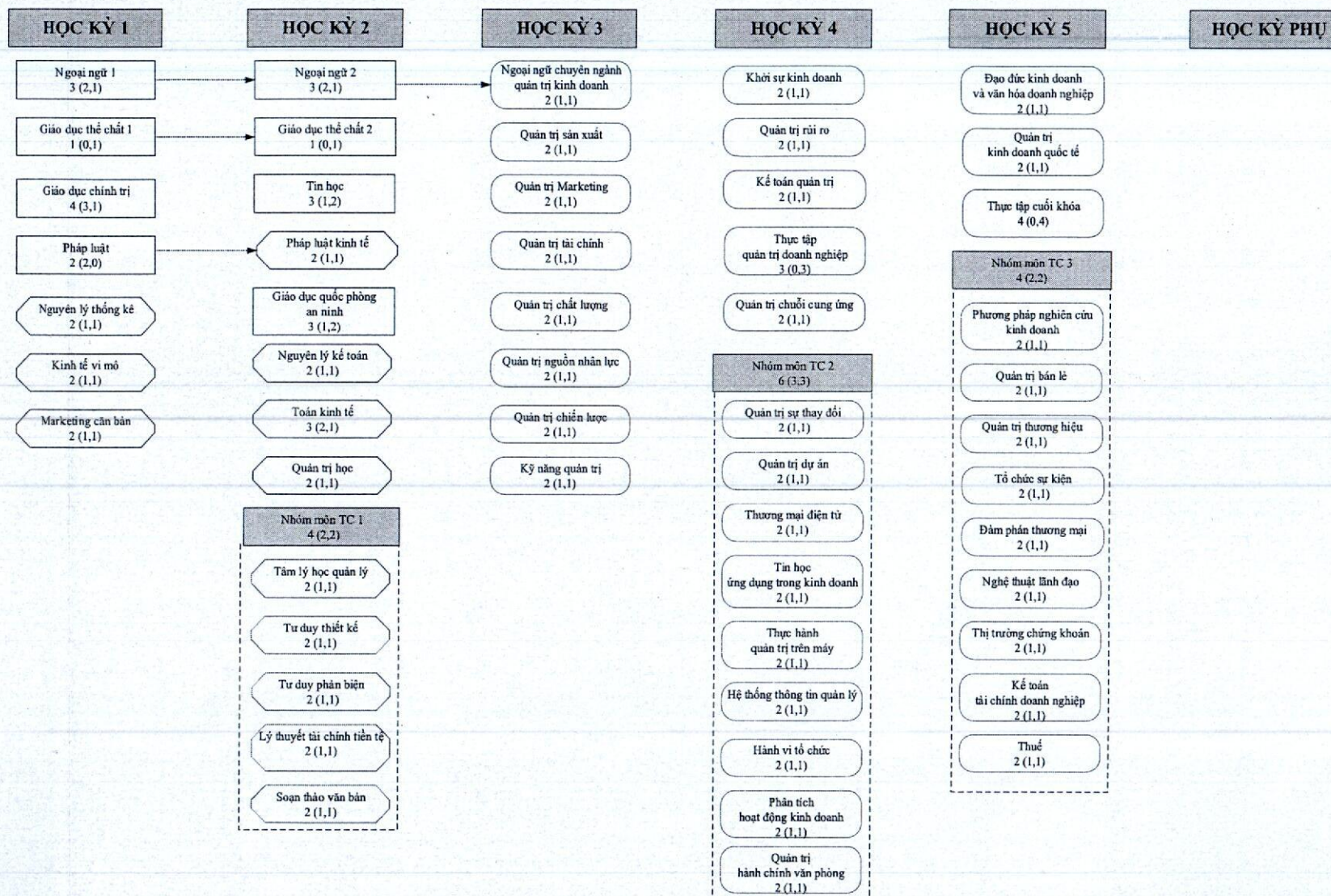
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 2. năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã Ngành: 6340404

Trình độ: Cao đẳng



Handwritten signature



BẢNG MA TRẬN MÔN HỌC TRƯỚC

(Kèm theo quyết định số 4.15./QĐ-CDKT ngày 15. tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 1	Unit 1: People Unit 2: Possessions Unit 3: Places Unit 4: Free Time Unit 5: Food Unit 6: Past lives	
2	Tiếng Trung 2	Tiếng Trung 1	Chương mở đầu: Giới thiệu khái lược về ngữ âm và chữ viết tiếng Phổ thông Trung Quốc Chương I: Chào hỏi Chương II: Hỏi thăm Chương III: Mua sắm, đổi tiền, nhu cầu	
3	Tiếng Hàn 2	Tiếng Hàn 1	Bài 1: Giới thiệu khái lược về bảng chữ viết tiếng Hàn Quốc Bài 2: Giới thiệu Bài 3 : Cuộc sống sinh hoạt ở trường Bài 4 : Nhà Bài 5 : Công việc một ngày Bài 6 : Cuối tuần Bài 7 : Gia đình	
4	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh 2	Unit 7 : Journey Unit 8 : Appearance Unit 9 : Film and the Art Unit 10: Science Unit 11: Tourism Unit 12 : The Earth	
5	Tiếng Trung thương mại	Tiếng Trung 2	Chương I: Hỏi thăm trong cuộc sống Chương II: Hỏi thăm Chương III: Chúc mừng, khuyến bảo, sở thích	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
6	Tiếng Hàn thương mại	Tiếng Hàn 2	Bài 1 – Mua sắm hàng hóa, đồ vật Bài 2 – Kế hoạch Bài 3 - Âm thực Bài 4 – Giao thông Bài 5 – Thời tiết Bài 6 – Điện thoại Bài 7 – Cuộc hẹn Bài 8 – Sở thích	
7	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 1	Chương 1: Giáo dục thể chất chung	
8	Pháp luật kinh tế	Pháp luật	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật Bài 3: Pháp luật dân sự	
9	Quản trị Marketing	Marketing căn bản	Chương 1: Tổng quan về Marketing Chương 2: Môi trường Marketing Chương 3: Hành vi khách hàng Chương 4: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing Chương 5: Phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường Chương 6: Chiến lược sản phẩm Chương 7: Chiến lược giá Chương 8: Chiến lược phân phối Chương 9: Chiến lược xúc tiến	

Yên

BẢNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

*(Kèm theo quyết định số 415/QĐ-CDKT ngày 15.. tháng 2.. năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)*

1. Chuẩn đầu ra

1.1. Kiến thức

- 101. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- 102. Giải thích được các quyền và nghĩa vụ của người lao động theo Luật lao động;
- 103. Xác định được nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- 104. Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình tổ chức;
- 105. Giải thích và phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- 106. Xác định được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- 107. Xác định được quy trình thực hiện công việc, nhật ký công việc;
- 108. Mô tả được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- 109. Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;
- 110. Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- 111. Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh.

1.2. Kỹ năng

- 201. Lập được kế hoạch thực hiện công việc;
- 202. Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm sẵn có tại đơn vị một cách hiệu quả;
- 203. Dự báo và tìm kiếm được cơ hội kinh doanh;
- 204. Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- 205. Xác định được chiến lược kinh doanh tại đơn vị bộ phận;
- 206. Tham mưu cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến công tác quản trị phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh;

- 207. Thiết lập được mối quan hệ giữa đơn vị với các đối tác;
- 208. Giải quyết được những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng trong mọi trường hợp;
- 209. Có khả năng tự tạo lập được doanh nghiệp riêng với quy mô vừa và nhỏ;
- 210. Tổ chức thực hiện được các biện pháp vệ sinh an toàn lao động;
- 211. Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại tại nơi làm việc;
- 212. Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- 213. Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- 214. Có khả năng sử dụng kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- 301. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại đơn vị;
- 302. Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- 303. Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;
- 304. Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- 305. Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- 306. Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- 307. Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0.
- 308. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bảng ma trận Chuẩn đầu ra

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	301	302	303	304	305	306	307	308	
MH01	X														X																		X	
MH02	X																																X	
MH03		X													X																			
MH04							X																											
MH05							X												X															
MH06	X															X																	X	
MH07	X																																	
MH08	X												X												X							X		
MH09						X																									X	X	X	
MH10					X																										X	X	X	
MH11				X																											X	X	X	
MH12			X																					X							X	X	X	
MH13						X																						X	X	X				
MH14					X																				X									
MH15					X																			X										
MH16		X																	X												X			
MH17						X						X	X	X											X									
MH18						X						X														X								

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	301	302	303	304	305	306	307	308
MH19						X						X	X													X							
MH20					X	X						X														X							
MH21						X						X														X							
MH22					X	X						X														X					X	X	X
MH23						X								X												X							
MH24						X								X												X							
MH25						X																				X							
MH26																	X									X							
MH27						X																			X					X			
MH28						X																			X								
MH29						X						X	X												X	X							
MH30						X						X	X	X	X	X	X	X	X						X	X							
MH32														X											X	X							
MH32												X	X	X											X	X							
MH33																	X																
MH34																	X									X							
MH35																	X									X					X		
MH36						X																			X								

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	301	302	303	304	305	306	307	308
MH37																	X								X								
MH38						X												X								X							
MH39						X						X	X	X												X							
MH40						X									X																X	X	X
MH41		X													X											X							
MH42						X									X													X					X
MH43						X									X											X							
MH44						X						X														X							
MH45						X																				X							
MH46		X															X									X							
MH47						X								X												X							
MH48						X						X														X	X						
MH49						X						X														X							
MH50						X						X														X							
MH51						X											X									X							
MH52						X																				X							
MH53						X										X										X						X	X
MH54						X														X												X	X



Handwritten signature

BẢNG QUY ĐỔI MÔN HỌC THAY THẾ

(Kèm theo quyết định số 415/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 5. năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
1	MH38	13,14	Văn hóa doanh nghiệp	2 (1,1)	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	MH27	2 (1,1)	
2	MH36.2	13,14	Khởi tạo doanh nghiệp	2 (1,1)	Khởi sự kinh doanh	MH29	2 (1,1)	
3	MH06.1	13,14	Anh văn căn bản 1	3 (2,1)	Ngoại ngữ 1	MH04	3 (2,1)	
4	MH06.2	13,14	Anh văn căn bản 2	3 (2,1)	Ngoại ngữ 2	MH05	3 (2,1)	
5	MH16	13,14	Anh văn chuyên ngành Quản trị kinh doanh	2 (1,1)	Ngoại ngữ chuyên ngành Quản trị kinh doanh	MH16	2 (1,1)	
6	MH01.1	13,14	Chính trị 1	3 (3,0)	Giáo dục chính trị	MH01	4 (3,1)	
7	MH01.2	13,14	Chính trị 2	2 (1,1)	Giáo dục chính trị	MH01	4 (3,1)	
8	MH02	13,14	Pháp luật đại cương	2 (1,1)	Pháp luật	MH02	2 (1,1)	
9	MH05	13,14	Tin học đại cương	3 (1,2)	Tin học	MH05	3 (1,2)	
10	MH35.2	13,14	Giao tiếp kinh doanh	2 (1,1)	Tư duy phản biện	MH34	2 (1,1)	
11	MH34.1/ MH49	13,14, 15,16	Quản trị chuỗi cung ứng	3 (2,1)	Quản trị chuỗi cung ứng	MH23	2 (1,1)	



Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
12	MH07	13,14, 15,16	Toán cao cấp	2 (1,1)	Đàm phán thương mại	MH51	2 (1,1)	
13	MH08	13,14, 15,16	Toán kinh tế	2 (1,1)	Toán kinh tế	MH09	3 (2,1)	